

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/01/2022
V/v “Ly hôn giữa ông C và bà L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Phong.
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Số 135/6B Ninh Trung, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Số 62, Đường Châu Văn Liêm, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09/7/2021.

* *Bị đơn:* **Trần Thị L**, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VC, xã VQT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/3/2021; Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 09/7/2021, ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh TN. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương, không còn quan tâm để cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, vợ chồng ông C và bà L đã sống ly thân trên 10 năm. Hiện tại, ông C không còn tình cảm vợ chồng với bà L nữa. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/02/1993; Nguyễn Thị Linh T1, sinh ngày 03/8/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng bà Trần Thị L bất hợp tác với Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Văn C với bà Trần Thị L.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Nguyễn Văn C thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Trần Thị L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Trần Thị L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/02/1993; Nguyễn Thị Linh T1, sinh ngày 03/8/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên không xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C khai không có, bà L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông C khai không có, bà L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khi Tòa án nhận đơn khởi kiện, bị đơn Trần Thị L có đăng ký thường trú tại ấp việc Giữa, xã Thới Lai, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng thì bà Trần Thị L còn đăng ký thường trú tại ấp việc Giữa, xã Thới Lai nhưng đang sinh sống tại ấp VC, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà Trần Thị L theo địa chỉ ấp VC, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre nhưng bà L vắng mặt lần thứ hai không có lý do cho nên xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về Nội dung vụ án

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vợ chồng sống ly thân đến nay trên mười năm. Hiện tại, ông C và bà L ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Bà L từ chối tham gia tố tụng, không có thiện chí đến Tòa để tham gia hòa giải và đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/02/1993; Nguyễn Thị Linh T1, sinh ngày 03/8/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L cũng không có yêu cầu

gì nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C khai không có, bà L cũng không cung cấp lời khai, chứng cứ hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Trần Thị L.

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn C với bà Trần Thị L.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 10/02/1993; Nguyễn Thị Linh T1, sinh ngày 03/8/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét đến

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000225 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, ông C đã nộp xong án phí.

Các đương sự Nguyễn Văn C, Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam
huyện Hòa Thành, tỉnh TN (Số 84, quyền số 01
năm 2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi